TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN HÀ ĐÔNG** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **435** /QĐST-HNGĐ	*Hà Đông, ngày 17 tháng 7 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HÀ ĐÔNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 432/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2020, về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Vũ Tiến T, sinh năm 1963.

HKTT: P401, CT2B KĐT X, phường P, quận H, thành phố Hà Nội. Trú tại: P388, CT2 KĐT X, phường P, quận H, thành phố Hà Nội.

- Bà Lê Thị L, sinh năm 1963.

HKTT: P401, CT2B KĐT X, phường P, quận H, thành phố Hà Nội. Trú tại: P730, HH03C KĐT T, xã C, huyện T, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Vũ Tiến T và bà Lê Thị L tự nguyện kết hôn năm 1989, có đăng ký kết hôn tại UBND phường B, thành phố Nam Định ngày 25/01/1989. Sau khi kết hôn vợ chồng về sống tại 71 T, thành phố N, tỉnh Hà Nam Ninh (nay là tỉnh Nam Định) cho đến năm 2009 thì vợ chồng chuyển về sống tại P401, CT2B, X, phường P, quận H, TP. Hà Nội.

Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận đến năm 2011 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống và cách nuôi dạy con cái, vợ chồng không có sự quan tâm chia sẻ với nhau trong cuộc sống gia đình. Vợ chồng đã cố gắng hòa giải và được tổ dân phố hòa giải nhưng không có kết quả. Năm 2018, bà L đã nộp đơn xin ly hôn nhưng được Tòa án hòa giải đã rút đơn về đoàn tụ gia đình nhưng sau đó mâu thuẫn vẫn tiếp tục trầm trọng, vợ chồng đã

sống ly thân từ năm 2015. Thời gian vợ chồng sống ly thân, hai bên có cuộc sống độc lập không ai quan tâm đến ai, hai vợ chồng ở hai nhà khác nhau, kinh tế gia đình riêng biệt. Nay hai bên xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn với nhau được nữa nên thống nhất đề nghị Tòa án giải quyết cho ông bà được thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Ông T và bà L có 02 con chung tên là Vũ Tiến Long, sinh ngày 26/5/1989 và Vũ Thị Thùy Liên, sinh ngày 11/6/1991. Các con chung của ông, bà đã trưởng thành, mạnh khỏe, tâm sinh lý phát triển bình thường và có cuộc sống độc lập, không yêu cầu giải quyết.

3. Về tài sản chung: Ông T và bà L đều thống nhất xác nhận vợ chồng không có sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về công nợ chung: Ông T và bà L đều thống nhất xác nhận vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về lệ phí: Ông T tự nguyện nộp 300.000đ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, bà Loan hoàn toàn nhất trí.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Vũ Tiến T và bà Lê Thị L đều thống nhất thuận tình ly hôn.
- Về con chung: Các con chung của ông bà đều đã trưởng thành.
- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết;
- Về công nợ chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết;

2. Về lệ phí: Ông T tự nguyện nộp cả 300.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm (đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009214 ngày 08 tháng 7 năm 2020 tại chi cục thi hành án dân sự quận H).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND quận Hà Đông;
- Chi cục THADS quận Hà Đông;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thoa

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Vũ Đức Minh và chị Đinh Thị Thu Hiền.

- *Về con chung*: Anh Minh và chị Hiền thống nhất xác nhận anh chị có 02 con chung là Vũ Quỳnh Anh, sinh ngày 21/5/2010 và Vũ Minh Nghĩa, sinh ngày 05/8/2013. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Minh, chị Hiền: Giao để anh Vũ Đức Minh sẽ trực tiếp nuôi dưỡng con chung là, chị Đinh Thị Thu Hiền sẽ trực tiếp nuôi dưỡng con chung là. Hai bên thỏa thuận không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Ghi nhận sự tự nguyện của anh Minh và chị Hiền: Giao cháu Vũ Quỳnh Anh cho anh Minh trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Vũ Minh Nghĩa cho chị Hiền trực tiếp nuôi dưỡng kể từ khi ly hôn đến khi các con chung đến tuổi trưởng thành Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi cháu Quân và San đối với chị Trang cho đến khi các bên đương sự có yêu cầu hoặc có quyết định pháp luật khác thay thế.

Chị Trang được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung (gồm động sản và bất động sản):* Anh Thắng và chị Trang thống nhất xác nhận ly hôn vợ chồng anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản chung, nên Tòa không xét.

- *Về nợ:* Anh Thắng và chị Trang đều thống nhất xác nhận quá trình chung sống, vợ chồng anh chị không có khoản vay nợ nào chung và không cho ai vay nợ. Ly hôn anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về nợ, nên Tòa không xét.

2. Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh Thắng tự nguyện nộp cả 300.000 đồng án phí LHST (đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai số 01965 ngày 12/10/2018 tại Chi cục thi hành án Dân sự quận Hà Đông, thành phố Hà Nội).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đào Thị Hồng Lý